

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ -ST.

Ngày: 25 tháng 5 năm 2023.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR – TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Nik Êban và bà Nguyễn Thị Tuyết

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lương Thị T**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: **Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** (Có mặt).

- Bị đơn: ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1977. Nơi cư trú: **Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2022, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được nguyên đơn bà **Lương Thị T trình bày:*

- *Quan hệ hôn nhân:* Tôi (Tt) và ông **Phạm Văn H** chung sống với nhau từ năm 1996, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đến ngày 12/11/1997 chúng tôi mới đi đăng ký kết hôn tại **UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài từ lâu, nhưng không đến mức trầm trọng, tuy nhiên đến tháng 10 năm 2022 thì mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông **Phạm Văn H** thường xuyên đi uống rượu về đánh đập vợ con, không lo làm ăn, tôi đã nhiều lần khuyên ngăn ông **Phạm Văn H** không sửa chữa càng hành hung đánh đập, chửi bới tôi. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn. Vì vậy, nguyện vọng yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với ông **Phạm Văn H**.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là **Phạm Thanh P**, sinh ngày 17/01/1998; **Phạm Thị Thanh T1**, sinh ngày 10/6/2000 và **Phạm Lương Gia B**, sinh ngày 14/01/2012.

Nguyên vọng: yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung **Phạm Lương Gia B**, sinh ngày 14/01/2012 đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông **Phạm Văn H** cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Đối với các con chung là **Phạm Thanh P**, và **Phạm Thị Thanh T1** đều đã trên 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi và ông **Phạm Văn H** tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn ông **Phạm Văn H**, tuy nhiên ông **Phạm Văn H** biết việc bà **Lương Thị T** có đơn yêu cầu ly hôn, nhưng ông **Phạm Văn H** đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng;

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: cho bà **Lương Thị T** được ly hôn với ông **Phạm Văn H**; về con chung: giao con chung cháu **Phạm Lương Gia B**, sinh ngày 14/01/2012 cho bà **Lương Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà **Lương Thị T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện: “*Ly hôn, tranh chấp về con chung*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm bà **Lương Thị T** làm đơn khởi kiện, bị đơn ông **Phạm Văn H** đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại **thôn E, xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn ông **Phạm Văn H** được Tòa án triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ đến lần 2, nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do. Như vậy, đương sự đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh trước toà. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông **Phạm Văn H** là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lương Thị T:**

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn: Bà **Lương Thị T** và ông **Phạm Văn H** tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/11/1997 theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa bà **Lương Thị T** và ông **Phạm Văn H** là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà **Lương Thị T** nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông **Phạm Văn H** không chịu làm ăn, không chăm lo cuộc sống trong gia đình, thường xuyên uống rượu say đuổi đánh vợ, con dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do không thể sống chung với nhau được nữa nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Từ khi sống ly thân vợ chồng không còn ai quan tâm, chăm sóc tới nhau, mỗi người sống một nơi. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo hợp lệ cho ông **Phạm Văn H** để giải quyết vụ án nhưng ông **Phạm Văn H** từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông **Phạm Văn H** không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Qua xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà **Lương Thị T** và ông **Phạm Văn H** tại địa phương cư trú cũng xác định bà **Lương Thị T** và ông **Phạm Văn H** đã sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay, nên khả năng để bà **Lương Thị T** và ông **Phạm Văn H** đoàn tụ là không khả thi. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà **Lương Thị T** và ông **Phạm Văn H** đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được.

Xét mâu thuẫn giữa bà **Lương Thị T** và ông **Phạm Văn H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà **Lương Thị T** được ly hôn với ông **Phạm Văn H** như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Bà **Lương Thị T** và ông **Phạm Văn H** có ba con chung, cháu **Phạm Thanh P**, sinh ngày 17/01/1998; **Phạm Thị Thanh T1**, sinh ngày 10/6/2000 và **Phạm Lương Gia B**, sinh ngày 14/01/2012.

Xét nguyện vọng của bà **Lương Thị T** được trực tiếp nuôi con chung **Phạm Lương Gia B**, sinh ngày 14/01/2012.

Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải xem xét về mọi mặt, cũng như quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, bà **Lương Thị T** hiện nay có công việc làm và thu nhập ổn định, có thể đảm bảo cuộc sống và nuôi dưỡng con chung cháu **Phạm Lương Gia B** hiện đang ở cùng với bà **Lương Thị T2** và cũng có nguyện vọng được ở với bà **Lương Thị T**, nên cần giao cho bà **Lương Thị T** được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **Phạm Lương Gia B**, sinh ngày 14/01/2012 đến tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

Đối với các cháu **Phạm Thanh P**, sinh ngày 17/01/1998; cháu **Phạm Thị Thanh T1**, sinh ngày 10/6/2000, tính đến ngày xét xử các cháu **Phạm Thanh P**, cháu **Phạm Thị Thanh T1** đã trên 18 tuổi, nên các cháu ở với ai là quyền của các cháu. Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng đối với các cháu **Phạm Thanh P**, và cháu **Phạm Thị Thanh T1**.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà **Lương Thị T** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lương Thị T**.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà **Lương Thị T** được ly hôn với ông **Phạm Văn H**.

[2] Về con chung: Giao con chung là **Phạm Lương Gia B**, sinh ngày 14/01/2012 cho bà **Lương Thị T** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Nguyên đơn bà **Lương Thị T** không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với các con chung là **Phạm Thanh P**, sinh ngày 17/01/1998; **Phạm Thị Thanh T1**, sinh ngày 10/6/2000 đều đã trên 18 tuổi nên nguyên đơn bà **T** không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ông **Phạm Văn H** được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông **Phạm Văn H** không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà **Lương Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2021/0020468 ngày 09 tháng 01 năm 2023.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ea Kar;
- THADS huyện Ea Kar;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

- UBND xã Ea Păl;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuấn